

HƯỚNG DẪN ÔN TẬP HK2 – MÔN KHTN6

I/ Lí thuyết: Các kiến thức trọng tâm.

CHỦ ĐỀ	Kiến thức trọng tâm	GHI CHÚ
	<p>Các kiến thức được học từ chủ đề 1 đến chủ đề 11 trong chương trình KHTN 6</p>	<p>Các con ôn tập lại.</p>
<p><b>CHỦ ĐỀ 8 – ĐA DẠNG THỂ GIỚI SỐNG</b></p>	<p><b>NẤM:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Phân loại nấm với các sinh vật giới khởi sinh và giới nguyên sinh.</li> <li>+ Sự đa dạng của nấm. Phân loại nấm: nấm đơn bào, đa bào, nấm đảm, nấm túi, nấm độc, nấm không độc.</li> <li>+ Vai trò của nấm: Lợi ích và tác hại. Ví dụ.</li> <li>+ Biện pháp phòng chống các loại nấm độc hại với con người.</li> </ul>	
	<p><b>THỰC VẬT:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Phân biệt được các nhóm thực vật trong tự nhiên: Rêu, dương xỉ, Hạt trần, Hạt kín. Sự ưu việt của thực vật hạt kín so với các loài thực vật khác.</li> <li>+ Vai trò của thực vật trong tự nhiên và trong đời sống.</li> <li>+ Vai trò của thực vật với bảo vệ môi trường – Ý nghĩa việc trồng cây xanh.</li> <li>+ Sự đa dạng của thực vật và vấn đề bảo vệ sự đa dạng của thực vật.</li> </ul>	
	<p><b>ĐỘNG VẬT:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Phân biệt được các nhóm động vật trong tự nhiên: Động vật không xương sống và động vật có xương sống.</li> <li>+ Nhận biết nhóm ĐVKX: Ruột khoang, Giun, Thân mềm, Chân khớp. Ví dụ?</li> <li>+ Nhóm ĐVCX: Cá, Lưỡng cư, Bò sát, Chim, Thú (Động vật có vú)</li> <li>Lấy được các ví dụ minh họa. Lấy ví dụ tên gọi một số điển hình.</li> <li>+ Vai trò của động vật trong tự nhiên và trong đời sống.</li> <li>+ Sự đa dạng của động vật và ý nghĩa của việc bảo vệ sự đa dạng của động vật.</li> </ul>	
	<p><b>- ĐA DẠNG SINH HỌC</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Sự đa dạng sinh học trong các môi trường: Hoang mạc đới nóng, đới lạnh, nhiệt đới gió mùa.</li> <li>+ Đặc điểm cấu tạo của các sinh vật trong sự thích nghi với môi trường mang lại sự đa dạng sinh học.</li> <li>+ Ý nghĩa của sự đa dạng sinh học đối với con người và các sinh vật khác.</li> <li>+ Vai trò của sự đa dạng sinh học.</li> </ul>	
<p><b>CHỦ ĐỀ 10: NĂNG LƯỢNG (NL)</b></p>	<p><b>1. Các dạng năng lượng</b></p> <p><b>- Theo nguồn tạo ra năng lượng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Động năng: năng lượng mà một vật có do chuyển động.</li> <li>+ Thế năng hấp dẫn: năng lượng có được khi vật ở trên cao so với mặt đất (ngay cả khi vật không chuyển động).</li> </ul>	

- + Thế năng đàn hồi: những vật như lò xo, dây cao su,... khi bị biến dạng có năng lượng ở dạng thế năng đàn hồi.
- + Quang năng: Mặt Trời, ngọn lửa, bóng đèn.... phát ra ánh sáng. Ánh sáng mang năng lượng gọi là quang năng.
- + Nhiệt năng: năng lượng phát ra từ các nguồn nhiệt.
- + Điện năng: năng lượng tạo ra bởi dòng điện (cung cấp bởi máy phát điện, pin...)

+ Hóa năng: năng lượng do quá trình biến đổi hóa học tạo ra.

**- Theo nguồn gốc vật chất của năng lượng:**

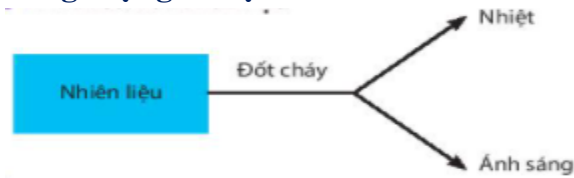
- + Năng lượng chuyển hóa toàn phần là dạng năng lượng được sinh ra từ nhiên liệu hóa thạch như than đá, dầu mỏ, khí tự nhiên.
- + Năng lượng tái tạo là dạng năng lượng như ánh sáng mặt trời, gió, thủy triều, hạt nhân, địa nhiệt...

**- Theo mức độ ô nhiễm môi trường: Loại năng lượng (NL)**

- + NL sạch: NL mặt trời, NL gió, NL thủy triều...
- + NL gây ô nhiễm môi trường, NL hóa thạch...

**2. Đặc trưng của năng lượng: NL đặc trưng cho khả năng tác dụng lực.**

**3. Nhiên liệu và năng lượng tái tạo**



- Nhiên liệu là các vật liệu khi bị đốt cháy giải phóng NL dưới dạng nhiệt và ánh sáng.
- Năng lượng tái tạo là NL từ những nguồn liên tục được coi là vô hạn như Mặt Trời, gió, thủy triều, sóng...

**4. Bảo toàn năng lượng:**

- Năng lượng có thể truyền từ vật này sang vật khác.
- Năng lượng có thể chuyển hóa từ dạng này sang dạng khác.
- Định luật bảo toàn năng lượng: “Năng lượng không tự nhiên sinh ra cũng không tự nhiên mất đi, nó chỉ chuyển từ dạng này sang dạng khác hoặc từ vật này sang vật khác”

**5. Năng lượng hao phí trong sử dụng:** Khi năng lượng truyền từ vật này sang vật khác hoặc chuyển từ dạng này sang dạng khác luôn xuất hiện năng lượng hao phí.

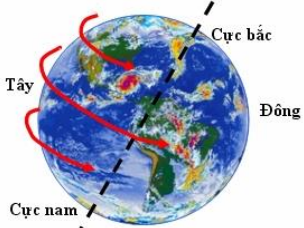
**6. Tiết kiệm năng lượng:**

- Tiết kiệm năng lượng là một yêu cầu cấp thiết đối với tất cả mọi lĩnh vực, mọi cá nhân nhằm đảm bảo an ninh năng lượng.
- Một số biện pháp tiết kiệm năng lượng:

	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tận dụng tối đa nguồn năng lượng tự nhiên: bình nước nóng năng lượng Mặt Trời, đèn LED năng lượng mặt trời, mở hết các cửa vào ban ngày để nhận ánh sáng Mặt Trời, ....</li> <li>+ Ngắt các nguồn điện khỏi thiết bị điện khi không sử dụng.</li> <li>+ Chọn những sản phẩm tiết kiệm năng lượng điện khi thay thế đồ điện gia dụng cũ: Từ bóng đèn sợi đốt sang bóng đèn LED,...</li> <li>+ Không quá lạm dụng máy sưởi và máy điều hòa. Nếu có sử dụng điều hòa thì bật ở chế độ trong khoảng 26 – 270C vào mùa hè.</li> <li>+ Nên đi bộ, đi xe đạp, đi chung xe hoặc sử dụng phương tiện công cộng.</li> <li>+ Giảm lượng chất thải sinh hoạt: giảm thiểu dùng những sản phẩm đóng gói sẵn, dùng những sản phẩm có thể tái sử dụng và tái chế.</li> <li>+ Trồng nhiều cây</li> </ul>	
--	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--

**CHỦ ĐỀ  
11 –  
TRÁI  
ĐẤT VÀ  
BÀU  
TRỜI**

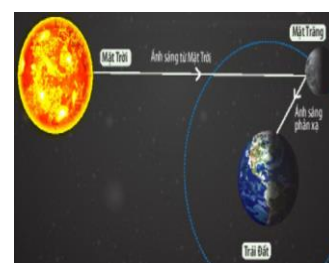
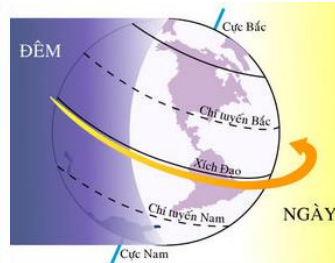
**1. Chuyển động nhìn thấy của Mặt Trời**  
**a. Chuyển động nhìn thấy của Mặt Trời**  
 - Hằng ngày chúng ta thấy Mặt Trời mọc ở hướng đông và “chuyển động” trên bầu trời về hướng tây rồi lặn. Nguyên nhân của hiện tượng này là do Trái Đất chuyển động tự quay quanh trục của nó theo chiều từ tây sang đông. Con người đứng trên Trái Đất lại nhìn thấy các thiên thể trong bầu trời đều quay từ đông sang tây (tức là ngược lại hướng tự quay của Trái Đất).



*Mặt trời mọc hướng đông và lặn hướng tây từ tây sang đông*

*Trái Đất quay quanh trục*

**b. Mặt Trời mọc và lặn**  
 - Hiện tượng ngày và đêm trên Trái Đất: Hình khối cầu của Trái đất luôn được Mặt trời chiếu sáng một nửa, vì thế đã sinh ra ngày và đêm, do Trái đất tự quay quanh trục, nên mọi nơi bề mặt của Trái Đất đều lần lượt được mặt trời chiếu sáng.  
 - Hiện tượng Mặt Trời mọc và Mặt Trời lặn khi quan sát từ Trái Đất: Khi tự quay quanh trục của nó, Trái Đất sẽ bắt đầu quay từ Tây sang Đông. Theo trục góc nghiêng so với mặt phẳng quỹ đạo. Mặt nào của Trái Đất hướng về phía mặt trời sẽ là ban ngày, mặt còn lại bị khuất bóng sẽ là ban đêm. Dựa theo đúng quy luật chuyển động từ Tây sang Đông đó mà người ta thấy hiện tượng Mặt trời mọc hướng Đông và lặn hướng Tây.



## 2. Chuyển động nhìn thấy của Mặt Trăng

### a. Ánh sáng của Mặt Trăng

Mặt Trăng không tự phát ra ánh sáng. Mặt Trăng phản xạ ánh sáng từ Mặt Trời.

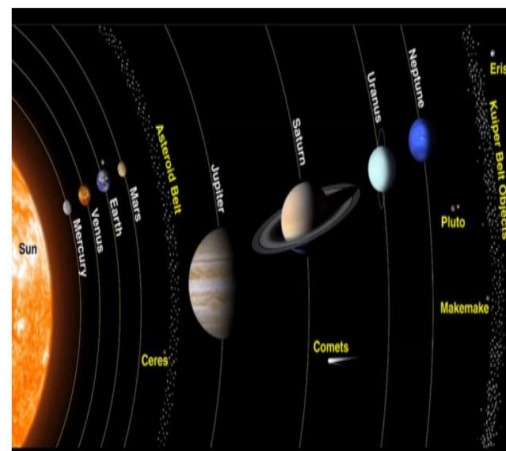
### b. Hình dạng nhìn thấy của Mặt Trăng

- Hình dạng nhìn thấy của Mặt Trăng là phần bề mặt của Mặt Trăng được nhìn thấy khi quan sát từ Trái Đất.
- Mỗi thời điểm, phần bề mặt Mặt Trăng hướng về Trái Đất được Mặt Trời chiếu sáng có diện tích khác nhau nên ta thấy hình dạng Mặt Trăng là khác nhau.
- Một số hình dạng nhìn thấy của Mặt Trăng là:



## 3. Cấu trúc của hệ Mặt Trời

- Hệ Mặt Trời (hay Thái Dương hệ) là một hệ hành tinh có Mặt Trời ở trung tâm và các thiên thể nằm trong phạm vi lực hấp dẫn của Mặt Trời.
- Trong hệ Mặt Trời, ngoài Mặt Trời còn có hai nhóm:
  - + Nhóm gồm 8 hành tinh và các vệ tinh.
  - + Nhóm hai gồm các tiểu hành tinh, sao chổi và các khối bụi thiên thạch

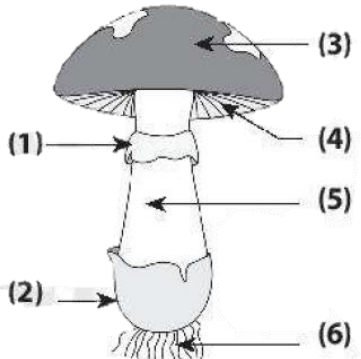


	<p>- Khoảng cách từ các hành tinh khác nhau tới Mặt Trời là khác nhau. Các hành tinh chuyển động quanh Mặt Trời với chu kì khác nhau: Hành tinh càng xa mặt trời thì chu kì chuyển động càng dài.</p> <p><b>4. Ánh sáng của các thiên thể:</b></p> <p>- Mặt Trời và các ngôi sao là thiên thể có thể tự phát ra ánh sáng. - Các hành tinh và sao chổi chỉ phản xạ ánh sáng mặt trời.</p> <p><b>5. Hệ Mặt Trời trong Ngân Hà:</b> Hệ Mặt Trời chỉ là phần nhỏ của Ngân Hà, nằm ở rìa Ngân Hà và cách tâm một khoảng cỡ bán kính của nó.</p>	
--	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--

**II/ Bài tập tham khảo**

**A. TNKQ.**

Quan sát hình bên về cấu tạo nấm độc và trả lời các câu hỏi:

	<p><b>Câu 1:</b> Tên các thành phần cấu tạo nấm độc (1), (2), (3), (4), (5), (6) là gì?</p> <p>(1) Vòng cuống nấm, (2) Bao gốc nấm, (3) Mũ nấm, (4) Phiến nấm, (5) Cuống nấm, (6) Sợi nấm.</p> <p><b>Câu 2:</b> Thành phần cấu tạo nào sau đây thường có ở nấm độc mà không có ở nấm ăn được?</p> <p>A. (3), (4).      B. (5), (6).      C. (3), (6).      D. (1), (2).</p>
-----------------------------------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

**Câu 3:** Bào tử đảm là cơ quan sinh sản của loại nấm nào sau đây?

- A. Nấm hương.      B. Nấm bụng dê.      C. Nấm mốc.      D. Nấm men.

**Câu 4:** Thuốc kháng sinh penicillin được sản xuất từ

- A. nấm men.      B. nấm mốc.      C. nấm mộc nhĩ.      D. nấm độc đỏ.

**Câu 5:** Quá trình chế biến rượu vang cần sinh vật nào sau đây là chủ yếu?

- A. Nấm men.      B. Vi khuẩn.      C. Nguyên sinh vật.      D. Virus.

**Câu 6:** Đặc điểm để phân biệt nấm đơn bào với nấm đa bào là gì?

- A. Kích thước của nấm      B. Hình dạng của nấm  
C. Cấu tạo cơ quan sinh sản      D. Cấu tạo tế bào

**Câu 7:** Câu khẳng định nào sau đây là đúng khi nói về nấm:

- A. Nấm là sinh vật đơn bào hoặc đa bào, nhân thực.  
B. Nấm hương, nấm mốc đen bánh mì là đại diện thuộc nhóm nấm túi.  
C. Chỉ có thể quan sát được nấm dưới kính hiển vi.  
D. Tất cả các loại nấm đều có lợi cho con người.

**Câu 8:** Trong số các tác hại sau, tác hại nào **không** phải do nấm gây ra?

- A. Gây bệnh nấm da ở động vật.      B. Làm hư hỏng thực phẩm, đồ dùng.  
C. Gây bệnh viêm gan B ở người.      D. Gây ngộ độc thực phẩm ở người.

**Câu 9:** Chọn phát biểu **không đúng** khi nói về nấm:

- A. Nấm thường sống ở nơi ẩm ướt.  
B. Nấm có cấu tạo cơ thể giống vi khuẩn.  
C. Nhiều loài nấm được sử dụng làm thức ăn.

D. Một số loại nấm là cơ thể đơn bào.

**Câu 10:** Cơ quan sinh dưỡng của nấm là

- A. Mũ nấm                      B. Cuống nấm                      C. Sợi nấm                      D. Phiến nấm

**Câu 11:** Đại diện nào dưới đây không thuộc ngành Thực vật?

- A. Rêu tường                      B. Tảo lục  
C. Dương xỉ                      D. Rong đuôi chó

**Câu 12:** Cơ quan sinh sản của ngành Hạt trần được gọi là gì?

- A. Bào tử                      B. Nón                      C. Hoa                      D. Rễ

**Câu 13:** Đặc điểm nào dưới đây không phải của các thực vật thuộc ngành Hạt kín?

- A. Sinh sản bằng bào tử                      B. Có hoa và quả  
C. Hạt nằm trong quả                      D. Thân có hệ mạch dẫn hoàn thiện

**Câu 14:** Cây rêu thường mọc ở nơi có điều kiện như thế nào?

- A. Nơi khô ráo                      B. Nơi thoáng đãng  
C. Nơi ẩm ướt                      D. Nơi nhiều ánh sáng

**Câu 15:** Ổ dương xỉ, ổ túi bào tử thường nằm ở đâu?

- A. Trên đỉnh ngọn                      B. Mặt trên của lá  
C. Trong kẽ lá                      D. Mặt dưới của lá

**Câu 16:** Nhóm thực vật nào dưới đây có đặc điểm có mạch, không noãn, không hoa?

- A. Rêu                      B. Dương xỉ                      C. Hạt kín                      D. Hạt trần

**Câu 17:** Hành động nào dưới đây góp phần bảo vệ thực vật?

- A. Du canh du cư                      B. Trồng cây gây rừng  
C. Phá rừng làm nương rẫy                      D. Xây dựng các nhà máy thủy điện

**Câu 18:** Loại thực vật nào dưới đây có chứa chất độc gây hại đến sức khỏe của con người?

- A. Cây trúc đào                      B. Cây tam thất  
C. Cây gọng vó                      D. Cây giảo cổ lam

**Câu 19:** Thực vật nào dưới đây thuộc ngành Hạt kín?

- A. Bưởi.                      B. Hoàng đàn.  
C. Thông.                      D. Quyết.

**Câu 20:** Thực vật đầu tiên sống trên cạn, có rễ giả, chưa có hoa, sinh sản bằng bào tử.

- A. Rêu.                      B. Bèo ong.  
C. Dương xỉ.                      D. Cỏ bọ.

**Câu 21:** Thực vật đã có rễ, thân lá, có mạch dẫn, sinh sản bằng bào tử là

- A. dương xỉ.                      B. rêu.                      C. hạt trần.                      D. hạt kín.

**Câu 22:** Ổ rêu, túi bào tử thường nằm ở đâu?

- A. Ngọn cây rêu.                      B. Mặt dưới của lá.  
C. Trong kẽ lá.                      D. Mặt trên của lá.

**Câu 23:** Nhóm động vật nào dưới đây không thuộc ngành động vật có xương sống?

- A. Bò sát                      B. Lưỡng cư  
C. Chân khớp                      D. Thú

**Câu 24:** Cho các loài động vật sau: (1) Sứa                      (5) Cá ngựa                      (2) Giun đất                      (6) Mực (3)

Ếch giun                      (7) Tôm                      (4) Rắn                      (8) Rùa

Loài động vật nào thuộc ngành động vật không xương sống?

A. (1), (3), (5), (7) B. (2), (4), (6), (8)

C. (3), (4), (5), (8) D. (1), (2), (6), (7)

**Câu 25: Đặc điểm cơ thể chia 3 phần, cơ thể phân đốt, đối xứng hai bên, bộ xương ngoài bằng kitin là của nhóm ngành nào?**

A. Chân khớp B. Giun đốt C. Lưỡng cư D. Cá

**Câu 26: Động vật không xương sống bao gồm?**

A. Cá, lưỡng cư, bò sát, chim, thú B. Ruột khoang, giun, thân mềm, chân khớp

C. Bò sát, lưỡng cư, chân khớp, ruột khoang D. Thú, chim, ruột khoang, cá, giun

**Câu 27: Ngành động vật nào dưới đây có số lượng lớn nhất trong giới động vật?**

A. Ruột khoang B. Chân khớp C. Lưỡng cư D. Bò sát

**Câu 28: Nhóm ngành nào của giới động vật có tổ chức cơ thể cao nhất?**

A. Thú B. Chim C. Bò sát D. Cá

**Câu 29: Loài chim nào dưới đây thuộc nhóm chim bơi?**

A. Đà điểu B. Chào mào C. Chim cánh cụt D. Đại bàng

**Câu 30: Loài động vật nào chuyên đục ruỗng các đồ dùng bằng gỗ trong gia đình?**

A. Mối B. Rận C. Ốc sên D. Bọ chét

**Câu 31: Loài động vật nào dưới đây thuộc lớp Thú?**

A. Cá mập B. Cá heo

C. Cá chim D. Cá chuồn

**Câu 32: Cho các vai trò sau:**

(1) Cung cấp thực phẩm

(2) Hỗ trợ con người trong lao động

(3) Là thức ăn cho các động vật khác

(4) Gây hại cho cây trồng

(5) Bảo vệ an ninh

(6) Là tác nhân gây bệnh hoặc vật trung gian truyền bệnh

Đâu là vai trò của động vật trong đời sống con người?

A. (1), (3), (5) B. (2), (4), (6) C. (1), (2), (5) D. (3), (4), (6)

**Câu 33: Sự đa dạng loài được thể hiện ở**

A. Số lượng loài

B. Sự đa dạng về đặc điểm hình thái của từng loài

C. Sự đa dạng về đặc điểm tập tính của từng loài

D. Tất cả các ý trên đúng

**Câu 34: Số loài động vật trên Trái Đất là**

A. 1 triệu loài B. 1,5 triệu loài C. 2 triệu loài D. 2,5 triệu loài

**Câu 35: Môi trường nào có đa dạng sinh học lớn nhất**

A. Đới lạnh.

B. Hoang mạc đới nóng.

C. Nhiệt đới khí hậu nóng ẩm.

D. Cả A và B đúng.

**Câu 36: Động vật nào thích nghi với đời sống ở môi trường hoang mạc đới nóng**

A. Chuột nhảy. B. Gấu trắng C. Cú tuyết D. Cáo Bắc cực

**Câu 37: Chim cánh cụt có lớp mỡ dưới da rất dày để làm gì?**

- A. Dự trữ năng lượng. B. Giúp chim giữ nhiệt cho cơ thể, chống rét.  
C. Giúp chim nổi khi bơi. D. Cả a và b đúng.

**Câu 38:** Đặc điểm thường gặp ở động vật đới lạnh là

- A. Chân cao, móng rộng, đệm thịt dày. B. Lông màu trắng vào mùa đông.  
C. Hoạt động vào ban đêm. D. Di chuyển bằng cách quăng thân.

**Câu 39:** Đặc điểm của lạc đà thích nghi với môi trường hoang mạc đới nóng là

- A. Bướu mỡ. B. Có màu lông giống màu cát.  
C. Chân cao, móng rộng, có đệm thịt dày. D. Tất cả các đặc điểm trên đúng.

**Câu 40:** Đặc điểm nào dưới đây KHÔNG có ở các động vật đới nóng?

- A. Có khả năng di chuyển xa. B. Di chuyển bằng cách quăng thân.  
C. Hoạt động vào ban ngày. D. Có khả năng nhịn khát.

**Câu 41:** Hiện tượng ngủ đông của động vật đới lạnh có ý nghĩa gì

- A. Để lẩn tránh kẻ thù. B. Tránh mất nước cho cơ thể.  
C. Giúp cơ thể tiết kiệm năng lượng. D. Tránh nóng ban ngày

**Câu 42:** Rắn sa mạc có đặc điểm gì để thích nghi với môi trường hoang mạc đới nóng?

- A. Màu lông nhạt, giống màu cát. B. Chui rúc vào sâu trong cát.  
C. Di chuyển bằng cách quăng thân. D. Tất cả đặc điểm trên đều đúng.

**Câu 43.** Năng lượng mà một vật có được do chuyển động được gọi là ...

- A. thế năng B. động năng C. nhiệt năng D. cơ năng

**Câu 44.** Vật ở trên cao so với mặt đất có năng lượng gọi là ...

- A. nhiệt năng B. thế năng đàn hồi  
C. thế năng hấp dẫn D. động năng

**Câu 45.** Điền vào chỗ trống “...” để thành câu hoàn chỉnh:

*Nhiên liệu là các vật liệu khi bị đốt cháy giải phóng năng lượng dưới dạng ...*

- A. nhiệt và ánh sáng B. nhiệt và năng lượng hóa học  
C. nhiệt và năng lượng âm D. quang năng và năng lượng âm

**Câu 46.** Năng lượng hóa học có trong những vật chất nào sau đây?

- A. Cốc nước nóng, Mặt Trời, pin. B. Acquy, xăng dầu, Mặt Trời.  
C. Pin, thức ăn, xăng dầu. D. Thức ăn, acquy, ngọn lửa.

**Câu 47.** Trong các vật chất sau đây, vật chất nào đều có nhiệt năng?

- A. Bóng đèn đang sáng, pin, thức ăn đã nấu chín.  
B. Lò sưởi đang hoạt động, Mặt Trời, lò xo dãn.  
C. Gas, pin Mặt Trời, tia sét.  
D. Mặt Trời, tia sét, lò sưởi đang hoạt động.

**Câu 48.** Điền vào chỗ trống “...” sau đây để được câu hoàn chỉnh:

*Định luật bảo toàn năng lượng: “Năng lượng không tự nhiên sinh ra cũng không tự nhiên mất đi, nó chỉ chuyển từ dạng này sang dạng khác hoặc truyền từ ... này sang ... khác”.*

- A. vật – vật B. bộ phận – bộ phận C. loại – loại D. chỗ - chỗ

**Câu 49.** Điền vào chỗ trống “...” sau đây để được câu hoàn chỉnh: “*Khi năng lượng truyền từ vật này*



sang vật khác hoặc chuyển hóa từ dạng này sang dạng khác luôn xuất hiện năng lượng ...”

- A. âm                      B. hao phí                      C. cơ năng                      D. ánh sáng

**Câu 50.** Khi sử dụng nồi cơm điện, năng lượng điện đã chuyển hóa thành năng lượng chủ yếu nào?

- A. năng lượng ánh sáng                      B. cơ năng  
C. năng lượng nhiệt                      D. năng lượng âm

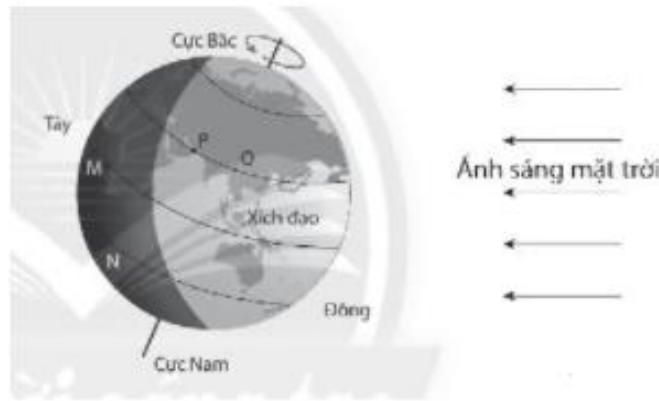
**Câu 51.** Phát biểu nào sau đây đúng? Khi máy sấy tóc hoạt động,

- A. phần lớn điện năng tiêu thụ chuyển hóa thành nhiệt năng.  
B. phần lớn điện năng tiêu thụ chuyển hóa thành cơ năng.  
C. phần lớn điện năng tiêu thụ chuyển hóa thành năng lượng âm.  
D. phần lớn điện năng tiêu thụ chuyển hóa thành quang năng.

**Câu 52.** Trong các dụng cụ và thiết bị điện sau đây, thiết bị biến đổi điện năng thành cơ năng là

- A. Nồi cơm điện      B. Bàn là điện.      C. Tivi.                      D. Máy bơm nước.

Quan sát hình vẽ sau và trả lời các câu hỏi sau:



**Câu 53.** Trong số các vị trí M, N, P, Q thì ở những vị trí nào đang là ban ngày?

- A. Ở vị trí M và P đang là ban ngày                      B. Ở vị trí Q và N đang là ban ngày  
C. Ở vị trí M và N đang là ban ngày                      D. Ở vị trí Q và P đang là ban ngày

**Câu 54.** Người ở vị trí nào sẽ thấy Mặt Trời lặn trước?

- A. Vị trí M                      B. Vị trí N                      C. Vị trí P                      D. Vị trí Q

**Câu 55.** Người ở vị trí nào sẽ thấy Mặt Trời mọc trước?

- A. Vị trí M                      B. Vị trí N                      C. Vị trí P                      D. Vị trí Q

**Câu 56.** Trái Đất có những chuyển động nào?

- A. Tự quay quanh trục từ tây sang đông      B. Quay quanh Mặt Trời  
C. Quay quanh Mặt Trăng                      D. Cả A và B

**Câu 57.** Phát biểu nào sau đây giải thích được hiện tượng ngày và đêm trên Trái Đất?

- A. Do Trái Đất hình cầu luôn được Mặt Trời chiếu sáng một nửa.  
B. Do Trái Đất luôn quay quanh trục của nó.  
C. Do Trái Đất quay quanh Mặt Trời.  
D. Do Mặt Trăng quay quanh Trái Đất.

**Câu 58.** Ta nhìn thấy Mặt Trăng vì:

- A. Mặt Trăng tự phát ra ánh sáng chiếu vào mắt ta.  
B. Mặt Trăng phản xạ ánh sáng Mặt Trời chiếu vào mắt ta.  
C. Mặt Trăng phản xạ ánh sáng Trái Đất chiếu vào mắt ta.

D. Mặt Trăng phản xạ ánh sáng từ các thiên thể chiếu vào mắt ta.

**Câu 59.** Điền cụm từ thích hợp vào chỗ trống “...”

*Ta nhìn thấy một vật khi có ... từ vật đó chiếu tới mắt chúng ta.*

- A. ánh sáng                      B. hình ảnh                      C. bóng                      D. hình chiếu

**Câu 60.** Điền cụm từ thích hợp vào chỗ trống “...”

*Mặt Trăng là vệ tinh tự nhiên của Trái Đất. Mặt Trăng quay quanh trục của nó với ... mà nó chuyển động quanh Trái Đất nên phần bề mặt Mặt Trăng hướng về Trái Đất luôn không đổi.*

- A. tốc độ lớn hơn      B. tốc độ nhỏ hơn      C. cùng tốc độ                      D. tốc độ không thay đổi

**Câu 61.** Phát biểu nào sau đây là đúng?

- A. Mặt Trăng tự phát ra ánh sáng chiếu xuống Trái Đất.  
B. Tuần trăng là thời gian Mặt Trăng quay trở lại vị trí nằm giữa Mặt Trời và Trái Đất (29,5 ngày)  
C. Mặt Trăng không phản xạ ánh sáng Mặt Trời.  
D. Ta nhìn thấy Mặt Trăng tròn khi toàn bộ Mặt Trăng được Mặt Trời chiếu sáng.

**Câu 62.** Hình dạng nhìn thấy của Mặt Trăng thay đổi một cách tuần hoàn vì:

- A. Trái Đất quay quanh Mặt Trời.  
B. Mặt Trăng quay quanh Trái Đất.  
C. Ở mỗi thời điểm, phần bề mặt Mặt Trăng hướng về Trái Đất được Mặt Trời chiếu sáng có diện tích khác nhau.  
D. Cả B và C

**Câu 63.** Điền cụm từ còn thiếu vào chỗ trống “...”

*Trong hệ Mặt Trời, các ... quay quanh Mặt Trời còn các ... quay quanh các hành tinh.*

- A. hành tinh - vệ tinh                      B. vệ tinh - vệ tinh  
C. thiên thể - thiên thể                      D. vệ tinh - thiên thể

**Câu 64.** Điền cụm từ còn thiếu vào chỗ trống “...”

*Hệ Mặt Trời là một hệ hành tinh có ... ở trung tâm và các ... nằm trong phạm vi lực hấp dẫn của ...*

- A. Trái Đất – thiên thể - Trái Đất                      B. Mặt Trời – thiên thể - Mặt Trời  
C. Mặt Trăng – thiên thể - Mặt Trăng                      D. Ngôi sao – thiên thể - Ngôi sao

**Câu 65.** Thiên thể nào sau đây không phải là một hành tinh?

- A. Thiên Vương tinh                      B. Hải Vương tinh  
C. Diêm Vương tinh                      D. Thổ tinh

**Câu 66.** Mặt Trời và các ngôi sao thực chất là gì?

- A. Một khối chất rắn có nhiệt độ bề mặt rất cao  
B. Một khối khí có nhiệt độ bề mặt rất cao  
C. Một khối chất lỏng có nhiệt độ bề mặt rất cao  
D. Một đáp án khác

**Câu 67.** Khi nói về hệ Mặt Trời, phát biểu nào sau đây là đúng?

- A. Các hành tinh chuyển động quanh Mặt Trời theo cùng một chiều.  
B. Sao chổi là thành viên của hệ Mặt Trời.  
C. Hành tinh xa Mặt Trời nhất là Hải Vương tinh.  
D. Cả 3 phát biểu trên.